

## BỘ VĂN HÓA - THÔNG TIN

**QUYẾT ĐỊNH số 39/2001/QĐ-BVHTT**  
**ngày 23/8/2001 về việc ban hành**  
**Quy chế Tổ chức lễ hội.**

BỘ TRƯỞNG BỘ VĂN HÓA -  
 THÔNG TIN

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 12 tháng 11 năm 1996;*

*Căn cứ Nghị định số 81/CP ngày 08/11/1993 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Văn hóa - Thông tin;*

*Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Văn hóa Thông tin cơ sở,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Tổ chức lễ hội.

**Điều 2.** Quy chế Tổ chức lễ hội ban hành kèm theo Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quy chế Lễ hội ban hành kèm theo Quyết định số 636/QĐ-QC ngày 21 tháng 5 năm 1994 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa Thông tin.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Cục trưởng Cục Văn hóa - Thông tin cơ sở, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Văn hóa - Thông tin, Giám đốc các Sở Văn hóa - Thông tin tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc tổ chức lễ hội có trách nhiệm thi hành Quy chế ban hành kèm theo Quyết định này./.

Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin

**PHẠM QUANG NGHỊ**

**QUY CHẾ Tổ chức lễ hội**

*(ban hành kèm theo Quyết định số 39/2001/QĐ-BVHTT ngày 23 tháng 8 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin).*

*Chương I*

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1.** Đối tượng điều chỉnh của Quy chế này bao gồm:

1. Lễ hội dân gian.
2. Lễ hội lịch sử cách mạng.
3. Lễ hội tôn giáo.
4. Lễ hội du nhập từ nước ngoài vào Việt Nam.

**Điều 2.** Tổ chức lễ hội nhằm:

1. Tưởng nhớ công đức các anh hùng dân tộc, danh nhân văn hóa, các liệt sĩ, các bậc tiền bối đã có công xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
2. Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa tinh thần của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.
3. Đáp ứng nhu cầu văn hóa, tín ngưỡng, tham quan các di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, công trình kiến trúc nghệ thuật, cảnh quan thiên nhiên và các nhu cầu chính đáng khác của nhân dân.

**Điều 3.** Nghiêm cấm các hành vi sau đây tại nơi tổ chức lễ hội:

1. Lợi dụng lễ hội để tổ chức các hoạt động chống lại Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, gây mất trật tự, an ninh, tuyên truyền trái pháp luật, chia rẽ đoàn kết dân tộc.
2. Tổ chức các hoạt động mê tín dị đoan, phục hồi hủ tục trái với thuần phong mỹ tục của dân tộc.

3. Tổ chức các dịch vụ sinh hoạt ăn nghỉ và dịch vụ tín ngưỡng trong khu vực nội tự.
4. Đánh bạc dưới mọi hình thức.
5. Đốt đồ mã (nhà lầu, xe, ngựa, đồ dùng sinh hoạt...).
6. Những hành vi vi phạm pháp luật khác.

## Chương II

### QUẢN LÝ VÀ TỔ CHỨC LỄ HỘI

#### Điều 4.

1. Những lễ hội sau đây khi tổ chức không phải xin cấp phép, nhưng phải báo cáo bằng văn bản với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về văn hóa - thông tin trước thời gian tổ chức lễ hội ít nhất 20 ngày về thời gian, địa điểm, nội dung, kịch bản (nếu có) và danh sách Ban Tổ chức lễ hội:

- a) Lễ hội dân gian đã được tổ chức thường xuyên, liên tục, định kỳ;
- b) Lễ hội lịch sử cách mạng tiêu biểu có ý nghĩa giáo dục truyền thống.

2. Việc báo cáo bằng văn bản về tổ chức các lễ hội quy định tại khoản 1 Điều này được quy định cụ thể như sau:

- a) Lễ hội do cấp xã tổ chức phải báo cáo với Phòng Văn hóa - Thông tin;
- b) Lễ hội do cấp huyện tổ chức phải báo cáo với Sở Văn hóa - Thông tin;
- c) Lễ hội do cấp tỉnh tổ chức phải báo cáo với Bộ Văn hóa - Thông tin.

3. Sau khi nhận được văn bản báo cáo quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan văn hóa - thông tin có trách nhiệm báo cáo với Ủy ban nhân dân

cùng cấp. Trường hợp do thiên tai, dịch bệnh hoặc an ninh, trật tự mà việc tổ chức lễ hội quy định tại khoản 1 Điều này có thể gây ảnh hưởng xấu đến đời sống xã hội ở địa phương thì Ủy ban nhân dân xem xét và quyết định.

4. Lễ hội do làng, bản tổ chức không phải báo cáo với cơ quan văn hóa - thông tin, nhưng phải tuân theo các quy định có liên quan tại Quy chế này.

#### Điều 5.

1. Những lễ hội sau đây khi tổ chức phải được phép của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

- a) Lễ hội được tổ chức lần đầu;
- b) Lễ hội lần đầu được khôi phục lại sau nhiều năm gián đoạn;
- c) Lễ hội đã được tổ chức định kỳ nhưng có thay đổi nội dung, thời gian, địa điểm so với truyền thống;
- d) Lễ hội du nhập từ nước ngoài vào Việt Nam do người nước ngoài hoặc người Việt Nam tổ chức;
- e) Những lễ hội không thuộc quy định tại Điều 12 của Quy chế này mà kéo dài quá 3 ngày;

c) Lễ hội tôn giáo vượt ra ngoài khuôn viên cơ sở thờ tự hoặc ở trong khuôn viên cơ sở thờ tự nhưng chưa đăng ký tổ chức hàng năm theo quy định tại Nghị định số 26/1999/NĐ-CP ngày 19/4/1999 của Chính phủ về các hoạt động tôn giáo.

2. Lễ hội quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này được tổ chức từ lần thứ 2 trở đi, hoặc thường xuyên, liên tục thực hiện theo quy định tại Điều 4 Quy chế này.

#### Điều 6.

1. Hồ sơ xin phép tổ chức lễ hội phải gửi tới

Sở Văn hóa - Thông tin trước khi mở lễ hội ít nhất 30 ngày. Hồ sơ xin phép tổ chức lễ hội gồm:

a) Tờ trình xin phép mở lễ hội của cơ quan tổ chức;

b) Văn bản nêu nguồn gốc, lịch sử lễ hội;

c) Thời gian, địa điểm, kế hoạch, chương trình, nội dung lễ hội;

d) Danh sách Ban Tổ chức lễ hội;

d) Văn bản đồng ý của cơ quan ngoại giao (Đại sứ quán, Lãnh sự, Tổng Lãnh sự) đối với lễ hội du nhập từ nước ngoài do cộng đồng người nước ngoài đang học tập, công tác, sinh sống hợp pháp tại Việt Nam tổ chức.

2. Nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa - Thông tin có trách nhiệm thẩm định và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp phép trong thời hạn 10 ngày.

3. Trường hợp được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ủy quyền, Sở Văn hóa - Thông tin thực hiện việc cấp phép. Nếu không cấp phép phải có văn bản trả lời.

**Điều 7.** Lễ hội tổ chức ở địa phương nào, Ủy ban nhân dân cấp đó có trách nhiệm chỉ đạo và thực hiện việc quản lý nhà nước theo quy định.

#### **Điều 8.**

1. Lễ hội tôn giáo do tổ chức Giáo hội hoặc chức sắc chủ trì phải thực hiện theo quy định tại Nghị định số 26/1999/NĐ-CP ngày 19/4/1999 của Chính phủ về các hoạt động tôn giáo.

2. Nghi thức lễ hội tôn giáo cần có sự kết hợp hướng dẫn của cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động tôn giáo và cơ quan quản lý văn hóa ở địa phương.

3. Ban Tổ chức lễ hội tôn giáo do Giáo hội quyết định trên cơ sở có sự thống nhất với chính quyền địa phương.

**Điều 9.** Nghi thức của các lễ hội phải được tiến hành trang trọng theo truyền thống có sự hướng dẫn của ngành Văn hóa - Thông tin.

**Điều 10.** Trong khu vực lễ hội, cờ Tổ quốc phải treo ở nơi trang trọng, cao hơn cờ hội và cờ tôn giáo.

**Điều 11.** Việc tổ chức những trò chơi dân gian, hoạt động văn nghệ, thể thao trong khu vực lễ hội phải có nội dung bổ ích, lành mạnh, phù hợp với quy mô, tính chất, đặc điểm của lễ hội.

**Điều 12.** Thời gian tổ chức lễ hội không kéo dài quá 3 ngày, trừ lễ hội Đền Hùng (Phú Thọ), lễ hội Chùa Hương (Hà Tây), lễ hội Phủ Dầy (Nam Định), lễ hội Xuân núi Bà Đen (Tây Ninh), lễ hội Bà Chúa Xứ núi Sam (An Giang).

**Điều 13.** Tất cả các lễ hội khi tổ chức đều phải thành lập Ban Tổ chức lễ hội.

1. Ban Tổ chức lễ hội được thành lập theo quyết định của chính quyền cấp tổ chức lễ hội, trừ trường hợp lễ hội du nhập từ nước ngoài do người nước ngoài tổ chức quy định tại điểm c khoản 1 Điều 5 Quy chế này. Đại diện chính quyền làm Trưởng ban, thành viên gồm đại diện các ngành Văn hóa - Thông tin, Công an, Tôn giáo, Mặt trận Tổ quốc, Y tế, đại diện ngành, đoàn thể hoặc cá nhân khác có liên quan đến việc tổ chức lễ hội.

2. Ban Tổ chức lễ hội chịu trách nhiệm quản lý, điều hành lễ hội theo đúng chương trình đã báo cáo hoặc xin phép, đảm bảo trật tự, an toàn, an ninh, tổ chức dịch vụ ăn nghỉ, vệ sinh chu đáo, bảo vệ tốt di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh, môi trường và quản lý việc thu, chi trong lễ hội.

3. Trong thời hạn 20 ngày kể từ khi kết thúc lễ hội, Ban Tổ chức lễ hội phải có văn bản báo cáo kết quả với chính quyền cấp tổ chức và cơ quan

quản lý nhà nước về văn hóa - thông tin cấp trên trực tiếp.

**Điều 14.** Người đến dự lễ hội phải thực hiện nếp sống văn minh và những quy định của Ban Tổ chức lễ hội.

**Điều 15.**

1. Không bán vé vào lễ hội.

2. Trong khu vực lễ hội nếu có tổ chức các trò chơi, trò diễn, biểu diễn nghệ thuật, trưng bày thì được bán vé; giá vé thực hiện theo quy định của cơ quan tài chính có thẩm quyền.

3. Tổ chức dịch vụ trong khuôn viên di tích phải theo quy định của Ban Tổ chức lễ hội.

**Điều 16.** Nguồn thu từ công đức, từ thiện phải được quản lý và sử dụng theo đúng quy định của pháp luật.

*Chương III*

**ĐIỀU KHOẢN THỰC HÀNH**

**Điều 17.**

1. Cục Văn hóa - Thông tin cơ sở thuộc Bộ Văn hóa - Thông tin có trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này trong cả nước.

2. Thanh tra văn hóa - thông tin có trách nhiệm thanh tra, phát hiện và xử lý vi phạm theo thẩm quyền.

3. Sở Văn hóa - Thông tin các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này ở địa phương.

**Điều 18.** Tổ chức hoặc cá nhân vi phạm các quy định tại Quy chế này, tùy theo tính chất, mức

độ vi phạm sẽ bị xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

**Điều 19.** Quy chế này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quy chế Lễ hội ban hành theo Quyết định số 636/QĐ-QC ngày 21/5/1994 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin.

Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin

**PHẠM QUANG NGHỊ**

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**

**QUYẾT ĐỊNH số 987/2001/QĐ-NHNN**  
ngày 02/8/2001 về việc ban hành  
Quy chế Quản lý, cung cấp và khai  
thác sử dụng thông tin tin dụng  
điện tử.

**THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG  
NHÀ NƯỚC**

*Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 01/1997/QH10 và Luật các Tổ chức tín dụng số 02/1997/QH10 ngày 12/12/1997;*

*Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 02/3/1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Thông tin tin dụng,*

9658803